

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/DS-PT

Ngày: 31-3-2020.

*“Về việc buộc thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.
- Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng; ông Nguyễn Duy Thuận.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh
- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2020/TLPT-DS ngày 12/02/2020 về việc *“Buộc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐ-PT ngày 09/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Bá Ngọc T1 (vắng mặt).

Trú tại: Số 15, thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị H, chị Lê Thị HT, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Tuấn T, anh Lê Tuấn T.

Cùng trú tại: Số 44 buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà H, chị T, anh V, anh Đ: Chị Lê Thị HT; trú tại: Số 44 buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Chị Lê Thị HT là bị đơn trong vụ kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Bá Ngọc T1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2013 ông Lê Bá Ngọc T1 có cho ông Lê Tuấn T2 là chồng của bà Bùi Thị H và là bố đẻ của chị Lê Thị HT, Lê Thị Bích T, Lê Tuấn V, Lê Tuấn Đ vay số tiền là 353.600.000 đồng; khoản tiền này ông T2 vay để xây dựng trường học, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng, không ghi giấy vay chỉ thỏa thuận khi nào ông T1 cần báo trước một thời gian ông T2 sẽ trả. Khi cần tiền và yêu cầu ông T2 trả nợ thì ông T2 có viết cho ông T1 01 giấy hẹn trả nợ vào ngày 30/12/2014. Tuy nhiên, đến hạn ông T2 vẫn không chịu trả và đến ngày 12/12/2015 thì ông T2 chết.

Nay, ông Lê Bá Ngọc T1 yêu cầu các đồng thừa kế thứ nhất là vợ và các con của ông Lê Tuấn T2 có nghĩa vụ trả dứt điểm cho ông T1 khoản tiền nói trên và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn chị Lê Thị HT trình bày:

Về mối quan hệ giữa gia đình chị HT với ông Lê Bá Ngọc T1 chỉ là chỗ quan hệ quen biết, không có họ hàng hay mâu thuẫn gì với nhau. Khi bố chị HT (ông Lê Tuấn T2) còn sống thì giữa ông T2 và anh T1 cũng rất thân nhau, hay uống rượu và cà phê với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian năm 2013 ông T2 có vay tiền của anh T1 hay không? Vay dùng vào mục đích gì thì chị HT không biết.

Nay, anh Lê Bá Ngọc T1 khởi kiện yêu cầu các đồng thừa kế thứ nhất gồm bà Bùi Thị Hoài, chị HT, chị Lê Thị Bích Thảo, anh Lê Tuấn Vũ, anh Lê Tuấn Đạt (ông bà nội của chị HT đã chết trước khi ông T2 chết) phải trả số nợ mà ông T2 đã vay là 353.600.000 đồng. Về việc này quan điểm của chị HT là giữa ông T2 với anh T1 có quan hệ vay tiền của nhau hay không gia đình chị HT không biết, ông T2 vay dùng vào mục đích gì gia đình chị HT không biết. Tuy nhiên, khoản nợ này chị HT xin tự nguyện đứng ra nhận trách nhiệm trả cho anh T1. Bà H, chị T, anh Đ, anh V không liên quan gì. Trường hợp anh T1 không đồng ý để chị HT trả thay thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471, Điều 473, Điều 447; Điều 633; Điều 634; Điều 635; Điều 637; Điều 638; Điều 639 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Bá Ngọc T1.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Tuấn T2 là bà Bùi Thị H và các con là chị Lê Thị HT, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Tuấn V, anh Lê Tuấn Đ có nghĩa vụ trả nợ cho anh Lê Bá Ngọc T1 khoản tiền 526.443.000 đồng (*năm trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 353.600.000 đồng và tiền lãi suất là 172.843.000 đồng.

Bà Bùi Thị H, chị Lê Thị HT, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Tuấn V, anh Lê Tuấn Đ chỉ phải trả khoản nợ này trong phạm vi di sản mà ông Lê Tuấn T2 chết để lại.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chí phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, chị Lê Thị HT là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh ông Lê Tuấn T2 sau khi chết có để lại di sản, hiện tại ai là người đang quản lý, sử dụng đối với di sản mà ông T2 để lại. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ bà Bùi Thị H, chị Lê Thị HT, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Tuấn V, anh Lê Tuấn Đ có kế thừa di sản do ông T2 để lại hay không nhưng đã buộc những người này phải trả cho ông Lê Bá Ngọc T1 số tiền 526.443.000 đồng là chưa có căn cứ. Ngoài ra, việc cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất là chưa chính xác. Do đó, có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị HT.

Từ các phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự - Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị HT làm trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp pháp nên được chấp nhận.

Nguyên đơn ông Lê Bá Ngọc T1 mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Lê Bá Ngọc T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị HT cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị HT có đơn yêu cầu xin được sao chụp “Kết luận giám định” của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk nhưng không được Tòa án xem xét giải quyết, xét thấy: Tại bút lục số 58 có trong hồ sơ vụ án thể hiện có “Đơn xin sao chép tài liệu đề ngày 08/11/2019 của chị Lê Thị HT”, chị HT cho rằng mình không được Tòa án cho sao chép hồ sơ nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 24/10/2019 (BL số 55) mục chứng cứ do Tòa án thu thập có “Kết luận giám định số 110/PC09 ngày 13/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk”. Do đó, xác định tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn đã được tiếp cận với tài liệu này. Vì vậy, kháng cáo về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị HT không thừa nhận chữ ký “Lê Tuấn T2” trong “Giấy hẹn nợ ngày 01/01/2014” là do ông T2 viết, ký nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chị Lê Thị HT thừa nhận, xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai của chị Lê Thị HT đề ngày 11/9/2017 (bút lục số 15, 16), biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 05/10/2017 (bút lục số 26, 27); biên bản hòa giải không thành đề ngày 05/10/2017; biên bản làm việc đề ngày 05/10/2017 (bút lục số 29) thể hiện ý kiến của chị Lê Thị HT đều thừa nhận chữ ký, chữ viết “Lê Tuấn T2” trong “Giấy hẹn nợ ngày 01/01/2014” là ông Lê Tuấn T2 trực viết ra. Do đó, kháng cáo về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3]. Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng: Trong giấy hẹn nợ ngày 01/01/2014 giữa ông Lê Tuấn T2 với ông Lê Bá Ngọc T1 không thỏa thuận với nhau về lãi suất nên khi vi phạm về thời hạn trả nợ thì không được yêu cầu tính lãi trong thời gian vi phạm, xét thấy: Theo khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005: *“Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận”*. Do đó, nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán tiền lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất từ 30/12/2014 (ngày hẹn trả nợ) cho đến ngày 21/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là có căn cứ.

Tuy nhiên, việc vay tiền giữa các bên thực hiện năm 2013, đến ngày 01/01/2014 thì các bên có lập giấy “hẹn nợ” hẹn đến ngày 30/12/2014 trả nợ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 để tính lãi suất 10%/năm là chưa chính xác. Cần áp dụng khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 với mức lãi suất 9%/năm trên thời gian chậm trả (từ ngày 31/12/2014 đến ngày 31/12/2016); áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 với mức lãi suất 10%/năm trên thời gian chậm trả (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 21/11/2019) thì mới đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lê Thị HT cho rằng: Sau khi ông Lê Tuấn T2 chết thì chị và các anh chị em trong gia đình không được kế thừa bất cứ di sản nào của ông T2 để lại. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Tuấn T2 ngoài bà Bùi Thị H, chị Lê Thị HT, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Tuấn V, anh Lê Tuấn Đ (là vợ và các con của ông T2) thì còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 hay không?

Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh ông Lê Tuấn T2 sau khi chết có để lại di sản? Di sản gồm có những gì? Di sản đang ở đâu? Hiện tại ai là người đang quản lý, sử dụng đối với di sản mà ông T2 để lại. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ bà Bùi Thị H, chị Lê Thị HT, chị Lê Thị Bích T, anh Lê Tuấn V, anh Lê Tuấn Đ có đồng ý kế thừa di sản do ông T2 để lại hay không nhưng đã buộc những người này phải trả cho ông Lê Bá Ngọc T1 tổng số tiền 526.443.000 đồng là chưa khách quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị HT.

Cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, giải quyết vụ án chưa khách quan toàn diện, thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên chị Lê Thị HT không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 296; khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị HT.

Tuyên xử:

[1]. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải

quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được xác định lại khi vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị HT không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004214 ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn